

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 01 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Chí Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Song Trà;

- Ông Bùi Vạn Huynh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Chi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 282/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt

- Bị đơn: Anh Lê C, sinh năm 1982. Vắng mặt

Trú tại: Xóm P, thôn Q, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê C có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 19/8/2013 tại UBND xã T, huyện S (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại huyện N, tỉnh Kon Tum. Những năm đầu vợ chồng hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Tuy nhiên những năm gần đây, hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã không thể hàn gắn lại được. Vợ

chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, chị và hai con chung sinh sống tại K còn anh Lê C sống tại Quảng Ngãi. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là cháu Lê Thị Khánh T, sinh ngày 23/4/2013 và cháu Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 18/11/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu anh Lê C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

** Bị đơn anh Lê C mặc dù đã được Toà án triệu tập làm việc, hoà giải, xét xử nhưng anh C không đến toà và không có lời trình bày:*

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê C.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Thị Khánh T, sinh ngày 23/4/2013 và cháu Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 18/11/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Lê C, và anh C hiện cư trú tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Lê C đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê C tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/8/2013 tại UBND xã T, huyện S (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thì thấy rằng: Chị H trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn không hòa giải và sống chung với nhau được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay; chị H và hai con chung sinh sống tại K còn anh Lê C sống tại Quảng Ngãi. Trong thời gian ly thân, chị H và anh C cũng không thăm hỏi nhau, phần ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ chị H và anh C không còn tình cảm vợ chồng. Anh C không đến Tòa án để trình bày quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị H và anh C có hai con chung là cháu Lê Thị Khánh T, sinh ngày 23/4/2013 và cháu Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 18/11/2016. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Lê C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Lê Thị Khánh T và cháu Lê Thị Ngọc H1 đang sống chung với chị H và đang học tập tại huyện N, tỉnh Kon Tum; Nhằm đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập của các cháu được ổn định, Hội đồng xét xử xét thấy giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Nguyễn Thị H hiện nay là giáo viên trường Trung học Phổ thông N, huyện N, tỉnh Kon Tum; thu nhập hàng tháng của chị hơn 12.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi con. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị H trình bày không có.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê C.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Thị Khánh T, sinh ngày 23/4/2013 và cháu Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 18/11/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Lê C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày không có.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H (do ông Cao Văn H2 nộp thay) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006320 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

